TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 5 – 2023
V/v ly hôn H – H1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1987 nơi cư trú: Số G, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Chợ K, ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông La Văn H1, sinh năm 1978 nơi cư trú: Số G, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 06/7/2022 và lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông La Văn H1 qua mai mối đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 26 tháng 8 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, do ông H1 có tính gia trưởng, thường xuyên ăn nhậu, mỗi lần nhậu thường bạo lực gia đình, đánh đập vợ con và đuổi bà và con ra khỏi nhà dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ mấy năm trước đến

nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trong, bà xin ly hôn với ông H1.

Bà H và ông H1 có 02 con chung La Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2005 và La Thị Chúc V1, sinh ngày 26/8/2008, cả hai con con chung đang sống cùng bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H và ông H1 không có tài sản chung, nợ chung

Biên bản hoà giải ngày 21/10/2022 bị đơn ông La Văn H1 trình bày: Ông thống nhất với bà H về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung như bà H trình bày. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì cũng có cự cãi, bà H đã bỏ đi mấy năm nay, ông không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, ông yêu cầu được nuôi con chung La Thị Tường V và đồng ý giao con chung La Thị Chúc V1 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung không có; nợ chung ông H1 cho rằng có nợ chung 25.000.000 đồng yêu cầu Toà án giải quyết mỗi người chịu một nửa nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt khi xét xử là vi phạm quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu, cho bà Trần Thị H được ly hôn ông La Văn H1. Bà H và ông H1 có 02 con chung, giao bà H được tiếp tục nuôi con chung. Bà H không yêu cầu nên không buộc ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Bà H và ông H1 không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết. Ông H1 không thực hiện theo thông báo của Toà án về thủ tục nộp đơn yêu cầu phản tố về nợ chung do đó không xem xét giải quyết về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 do Ủy ban nhân dân xã H cấp ngày 26/8/2005 nên làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do ông H1 có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu lại bạo lực gia đình, đánh đập vợ con và đuổi bà và con ra khỏi nhà, bà H và ông H1 đã ly thân nhiều năm trước cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn ông H1.

Qua xác minh, thì địa phương cho biết: Ông H1 có nơi cư trú ấp H, xã H, huyện P, An Giang. Về mâu thuẫn của vợ chồng bà H và ông H1, địa phương không biết. Hiện nay bà H và ông H1 không còn sống chung với nhau.

Bà H và ông H1 là vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Bà H và ông H1 xảy ra mâu thuẫn, ly thân đã nhiều năm nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà H ly hôn với ông H1.

[2.2] Về nuôi con chung:

Bà H và ông H1 có 02 con chung La Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2005 và La Thị Chúc V1, sinh ngày 26/8/2008 bà H đang nuôi đưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi con chung và 02 con chung đều có nguyện vọng sống với mẹ, để ổn định cuộc sống của 02 cháu nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu nên không buộc ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông H1 thống nhất không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Bà H trình bày không có nợ chung. Ông H1 trình bày có nợ chung nhưng ông H1 không thực hiện nộp đơn phản tố theo thông báo của Tòa án để yêu cầu giải quyết nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nợ chung vợ chồng. Ông H1 có quyền khởi kiện một vụ án hôn nhân gia đình để yêu cầu giải quyết nợ chung (nếu có yêu cầu). Những người khác có

quyền khởi kiện ông H1, bà H vụ án dân sự để yêu cầu giải quyết nợ chung nếu có chứng cứ và có yêu cầu.

[2.5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Bà Trần Thị H được ly hôn ông La Văn H1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114 ngày 26/8/2005 do Ủy ban nhân dân xã H cấp cho bà H và ông H1 không còn giá trị pháp lý.

Bà H và ông H1 có 02 con chung La Thị Chúc V1, sinh ngày 26/8/2008 và La Thị Tường V, sinh ngày 19/8/2005 đang sống với bà H. Giao 02 con chung cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu nên không buộc ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông H1 đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông H1 thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Bà H và ông H1 không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

Bà H trình bày không có nợ chung. Ông H1 cho rằng có nợ chung nhưng không có đơn yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Ông H1 có quyền khởi kiện một vụ án hôn nhân gia đình để yêu cầu giải quyết nợ chung (nếu có yêu cầu). Những người khác có quyền khởi kiện ông H1, bà H vụ án dân sự để yêu cầu giải quyết nợ chung nếu có chứng cứ và có yêu cầu.

Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005555 ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà H không còn phải nộp thêm án phí

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P
- UBND xã H;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn